

RÀO CẢN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

Ths. Lê Thị Hồng Thúy*

Qua hơn 30 năm đổi mới, khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam đã phát triển cả về lượng và chất. Đến nay, khu vực kinh tế tư nhân đã rộng khắp mọi ngành nghề mà pháp luật không cấm, trong đó có những ngành công nghệ cao, năng suất cao dù vẫn còn rất ít. Khu vực kinh tế này đóng góp tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước. Vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định và thừa nhận. Tuy nhiên, sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều rào cản, khiến cho khu vực này chưa phát huy hết được tiềm năng của mình để thực sự đóng vai trò là “động lực quan trọng của nền kinh tế”, cũng như đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong bối cảnh phát triển mới cả trong nước và quốc tế. Bài viết phân tích những đặc điểm phát triển cơ bản của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam, những rào cản mà khu vực này đang phải đối mặt và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực này trong thời gian tới.

• Từ khóa: doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, rào cản phát triển.

Over more than 30 years of innovation, the private sector in Vietnam has developed both in quantity and quality. Now, the private sector has been widespread in all industries that are not banned by the law, including high-tech and high-productivity industries, though still few. The private sector positively contributes to solving the country's issues. The role of private economy is increasingly confirmed and acknowledged. However, the development of the private sector in Vietnam is still facing many barriers, making this region unable to fully realize its potential to really act as “a dynamic important forces of the economy” as well as facing many major challenges in the new development context both domestically and internationally. This paper analyzes the basic development characteristics of the private sector in Vietnam, the barriers that region is facing and proposes a number of solutions to promote the development of this region on next time.

• Keywords: enterprises, private economy, development barriers.

Ngày nhận bài: 5/8/2019

Ngày chuyển phần biện: 7/8/2019

Ngày nhận phần biện: 15/8/2019

Ngày chấp nhận đăng: 22/8/2019

1. Những đặc điểm phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam

1.1. Khu vực có số lượng doanh nghiệp lớn và đa dạng về loại hình, tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng thiếu bền vững với tỷ lệ phá sản và ngưng hoạt động cao

Về số lượng, theo số liệu thống kê năm 2017, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục 126.859 doanh nghiệp, tăng 15,2% so với năm 2016 (so với bình quân tăng 10,4% số doanh nghiệp giai đoạn 2010-2016), trong tổng số 561.964 doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động tính đến thời điểm 31/12/2017. Trong khi đó số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 60.533 DN, giảm 20% so với năm trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong năm là 12.133 DN, giảm 2,9% so với năm 2016.

Về loại hình sở hữu

Khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam khá đa dạng về loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh; công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân, công ty cổ phần tư nhân và công ty cổ phần có vốn nhà nước với 50% vốn điều lệ trở xuống), tới các hộ kinh doanh cá thể (hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp và hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản).

- Quy mô doanh nghiệp còn rất nhỏ (xét theo các tiêu chí vốn và lao động) so với khu vực DN khác.

Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số liệu được công bố bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2017

* Học viện Tài chính

cho thấy có tới 98,2% doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)¹. Số liệu cũng cho thấy tuyệt đại đa số các doanh nghiệp ngoài nhà nước (DNNNN) có quy mô nhỏ và siêu nhỏ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2017).

Đối với các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, qui mô lao động của các hộ kinh doanh này cũng rất thấp. Tính bình quân chung năm 2015 có gần 1,68 lao động làm việc trong 1 cơ sở. Số vốn kinh doanh bình quân là 150,6 triệu đồng/cơ sở trong đó giá trị tài sản cố định là 90,4 triệu đồng/cơ sở và điều đó thể hiện sự hạn chế trong đầu tư cho sản xuất kinh doanh (SXKD) của các cơ sở cá thể.

1.2. Hiệu quả hoạt động chưa cao, năng suất lao động thấp nhưng có tiềm năng đạt được hiệu quả cao hơn nếu đạt được quy mô hợp lý và có được môi trường hoạt động kinh doanh phù hợp

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê (Tổng cục Thống kê, 2016b) cho thấy năng suất lao động (NSLĐ) của khu vực kinh tế tư nhân (bao gồm cả doanh nghiệp và hộ cá thể) đạt mức thấp nhất so với các khu vực kinh tế khác. Cụ thể, trong các khu vực kinh tế, NSLĐ của các doanh nghiệp FDI luôn dẫn đầu, năm 2015 đạt 242,5 triệu đồng (theo giá hiện hành), gấp 1,36 lần khu vực kinh tế Nhà nước (176,9 triệu đồng) và 7,8 lần khu vực kinh tế tư nhân (31,3 triệu đồng). Tuy nhiên, xu hướng tăng NSLĐ của các khu vực kinh tế cho thấy, khoảng cách về NSLĐ giữa khu vực Nhà nước và kinh tế tư nhân với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang dần thu hẹp lại nhưng chậm hơn đối với khu vực kinh tế tư nhân.

1.3. Thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau, với doanh nghiệp FDI, khả năng hội nhập quốc tế thấp (tham gia vào chuỗi giá trị ở công đoạn thấp hoặc không tham gia) và ít gắn kết với đối mới, sáng tạo

Kết quả điều tra đổi mới kỹ thuật công nghệ của 8.000 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ năm 2009-2013 cho thấy chỉ có 8% số doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu đầu tư đổi mới kỹ thuật công nghệ, trong đó chủ yếu từ các doanh nghiệp lớn và vừa, DNNNN chủ yếu là quy mô nhỏ, gần như không có điều kiện nghiên cứu đổi mới kỹ thuật công nghệ. Điều đó cũng dễ lý giải bởi vốn bình quân 1 doanh nghiệp ngoài nhà nước năm 2014 chỉ là 26 tỷ đồng, quá thấp, không đủ khả năng đầu tư đổi mới kỹ thuật công nghệ (Tổng cục Thống kê, 2015a).

¹ Những doanh nghiệp có ít hơn 100 lao động nếu hoạt động trong ngành thương mại và dịch vụ, hoặc ít hơn 300 lao động nếu hoạt động ở ngành khác.

1.4. Có đóng góp lớn cho nền kinh tế về tạo việc làm, về ngân sách, về tăng trưởng kinh tế và góp phần xóa đói giảm nghèo nhưng chưa tương xứng với tiềm năng

Đóng góp vào giải quyết việc làm, trong quá trình đổi mới kinh tế sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần to lớn vào giải quyết việc làm cho người lao động. Năm 2016, tính chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc kinh tế tư nhân thu hút khoảng hơn 70% lực lượng lao động của nền kinh tế, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho trên 1 triệu lao động.

Đóng góp vào tổng sản phẩm trong nước, với việc thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cơ cấu theo thành phần kinh tế nước ta đang biến đổi theo hướng: tỷ trọng thành phần kinh tế Nhà nước ngày càng giảm; tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng. Hiện nay khu vực kinh tế tư nhân là lực lượng đóng góp lớn nhất vào GDP với tỷ lệ 43,52% năm 2016, trong đó các DNNVV đóng góp khoảng 49,67%.

Đóng góp vào đầu tư phát triển, việc thực thi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư mới và những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh đã có tác động mạnh mẽ đến việc huy động các nguồn lực thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước vào đầu tư phát triển. Năm 2016, đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào tổng vốn đầu tư khoảng 39%, và 49,24% đối với DNNVV. Điều này cho thấy quy mô của vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân đặc biệt là các DNNVV cũng là bộ phận chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

2. Các rào cản đối với sự phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam

2.1. Các rào cản có liên quan đến khung pháp luật cho sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Việt Nam đã sửa đổi Hiến pháp, ban hành nhiều đạo luật từ các bộ luật dân sự, đến các luật Thương mại, Ngân hàng, Đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp... Nhưng cho đến nay, hệ thống thể chế và pháp luật của Việt Nam theo yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vẫn còn chưa hoàn thiện và đầy đủ. Trong những năm qua số lượng văn bản pháp luật tăng nhanh trong khi chất lượng của nhiều văn bản chưa đảm bảo; việc lấy ý kiến công chúng tuy có được cải thiện nhưng chưa thực sự thay đổi về chất; bản thân nước ta vẫn thiếu một cơ quan đầu mối, các công cụ, tiêu chí kiểm soát chất lượng văn bản pháp luật. Theo Báo cáo Việt Nam 2035 (Ngân hàng Thế

giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016), trở ngại lớn nhất đối với khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam vẫn là môi trường pháp lý vẫn chưa thực sự hoàn thiện theo nguyên tắc pháp quyền. Còn nhiều quy định chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, phức tạp và chồng chéo, dẫn tới tình trạng các cơ quan thừa hành và các doanh nghiệp lúng túng trong việc chấp hành luật.

2.2. Các rào cản liên quan đến môi trường đầu tư và kinh doanh

Một là, rào cản về gia nhập thị trường, quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ²; môi trường kinh doanh chưa thực sự bảo đảm cạnh tranh công bằng, lành mạnh; việc gia nhập, hoạt động và rút khỏi thị trường còn nhiều rào cản. Mặc dù đang có nhiều cải thiện trong những năm gần đây nhưng môi trường Kinh doanh Việt Nam vẫn chưa đạt trung bình ASEAN 4 về điểm số và thứ hạng.

Hai là, rào cản đối với tiếp cận thông tin và nguồn lực (vốn, đất đai). Doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ thường gặp khó khăn hơn trong tiếp cận thông tin so với các doanh nghiệp ngoài nhà nước với quy mô lớn.³ Các doanh nghiệp tư nhân cũng luôn gặp phải vấn đề khó khăn trong tiếp cận đất đai và mặt bằng cho sản xuất kinh doanh. Một tỷ lệ đáng kể doanh nghiệp chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.⁴

2.3. Các rào cản có liên quan đến việc thực thi các quy định đối với hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân

Mặc dù thời gian qua, một số Bộ, ngành đã có những cải cách tích cực về các quy định liên quan như thành lập doanh nghiệp, tiếp cận điện năng, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội,... nhưng thực tế cho thấy vẫn còn khoảng cách lớn giữa quy định và thực thi các luật này. Một trong những vướng mắc, bất cập lớn hiện nay trong thể chế, pháp luật gắn với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp là về quy định quản lý, kiểm tra chuyên ngành còn rất phiền hà cho doanh nghiệp, thời gian thực hiện các thủ tục này vẫn còn kéo dài, chi phí tuân thủ của doanh nghiệp tăng cao. Điều này đặc biệt đã gây trở ngại cho các doanh nghiệp tư nhân trong việc đầu tư, mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh và làm tăng chi phí của

² Ví dụ việc quán cà phê “xin chào” đã bị hình sự hóa quan hệ kinh doanh, đi kèm với đó là những biểu hiện gây khó dễ, ngăn cản quyền đăng ký kinh doanh và tổ chức kinh doanh đối với chủ doanh nghiệp này của các cơ quan chính quyền địa phương.

³ Trung bình, giai đoạn 2011-2015, chỉ có 40% doanh nghiệp tư nhân siêu nhỏ tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng; tỷ lệ này ở doanh nghiệp tư nhân nhỏ là 62%, vừa là 74% và lớn là 81%.

⁴ Năm 2015, 54% doanh nghiệp siêu nhỏ, 56% doanh nghiệp nhỏ và 71% doanh nghiệp quy mô vừa; còn với các doanh nghiệp quy mô lớn 87% có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

doanh nghiệp⁵. Chính vì các vấn đề trên, các chỉ số liên quan đến thể chế hỗ trợ hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp trong Báo cáo môi trường kinh doanh 2017 của Việt Nam không những không tăng mà còn có xu hướng giảm, cụ thể là các chỉ số Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan, và Tiếp cận tín dụng (mỗi chỉ số giảm 3 bậc).

2.4. Các rào cản liên quan đến chi phí không chính thức

Việc phải trả các khoản chi phí không chính thức là một gánh nặng lớn mà các DNNNN phải đối mặt ở Việt Nam.⁶ Giá trị của các khoản chi phí không chính thức so với doanh thu của các DNNNN cũng tương đối lớn. Bên cạnh đó, một tỉ lệ tương đối lớn doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ (khoảng 65%) và doanh nghiệp vừa (62%) cho rằng có “tình trạng những nhiều khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp”.

2.5. Các rào cản có liên quan đến sự bất bình đẳng trong cơ chế chính sách đối với khu vực kinh tế tư nhân trong tương quan so sánh với khu vực kinh tế Nhà nước và khu vực FDI

Các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn được hưởng nhiều những ưu ái từ Nhà nước. Những ưu ái này tạo ra những méo mó thị trường, hậu quả là nguồn lực chưa được bố trí vào nơi sử dụng hiệu quả nhất. Doanh nghiệp nhà nước, ngoài ưu thế được cấp vốn từ ngân sách nhà nước, vẫn được tạo điều kiện thuận lợi hơn nhiều so với doanh nghiệp tư nhân trong việc tiếp nhận các nguồn vay từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng; có ưu thế lớn hơn nhiều trong việc tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp nhà nước ở các lĩnh vực độc quyền nhà nước như điện, nước, xăng dầu, dịch vụ công ích thiết yếu, cơ chế định giá chưa theo cơ chế thị trường và tính minh bạch trong cơ chế giá còn thấp, tạo ra sự bất bình đẳng với các doanh nghiệp tư nhân muốn tham gia vào các thị trường này. Các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam cũng được hưởng rất nhiều ưu đãi về cả yếu tố đầu ra (ưu đãi thuế quan) và yếu tố đầu vào (ưu đãi về đất đai, tiếp cận vốn, v.v...); chưa có doanh

⁵ Một ví dụ cụ thể là theo một doanh nghiệp tư nhân nhập khẩu mặt hàng bột mì, phụ gia thực phẩm để sản xuất hàng thủy sản XK, tổng chi phí cho kiểm tra chuyên ngành đối với những mặt hàng này khoảng 1 tỷ đồng/năm, chiếm 2- 3% giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, các chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng hàng chục triệu đồng/mặt hàng và hàng trăm triệu đồng/lô hàng có nhiều mặt hàng; chi phí vận chuyển hàng hóa (có mặt hàng Bộ quản lý chuyên ngành chỉ quy định duy nhất 01 tổ chức kiểm định); chi phí lưu kho, lưu bãi; chi phí thời gian thử nghiệm (hàng tháng) và thực hiện thủ tục dán nhãn năng lượng và các chi phí cơ hội khác,...

⁶ 62% doanh nghiệp siêu nhỏ, 68% doanh nghiệp nhỏ thấy chi trả chi phí không chính thức là thường xuyên. Với các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, con số này lần lượt là 70% và 69%.

ng nghiệp tư nhân Việt Nam nào được hưởng mức miễn giảm vượt những ưu đãi này⁷.

2.6. Các rào cản liên quan đến bộ máy quản lý nhà nước đối với khu vực tư nhân

Bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân còn nhiều bất cập, chưa thực sự hiệu quả và nặng về cơ chế xin-cho. Theo bộ chỉ số xếp hạng quản trị quốc gia của Ngân hàng thế giới, chỉ số Hiệu quả chính quyền của Việt Nam dù có sự cải thiện nhưng vẫn luôn nằm dưới điểm trung bình của thế giới. Xét về tổng thể, Việt Nam vẫn xếp hạng dưới mức trung bình của thế giới về năng lực quản trị quốc gia.

2.7. Các rào cản do năng lực nội tại thấp và trong nhiều trường hợp, văn hóa kinh doanh còn nhiều bất cập

Trong quá trình phát triển, các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước cũng bộc lộ nhiều hạn chế là: các doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, nguồn lực tài chính, trình độ trang bị kỹ thuật và năng lực cạnh tranh thấp kém; nhiều doanh nghiệp ngoài nhà nước và hộ tiêu chủ, cá thể thực hiện kinh doanh theo kiểu tình huống ngắn hạn, chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn; ý thức tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước còn hạn chế. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa có được một đội ngũ doanh nhân lớn mạnh; mới chỉ được phát triển mạnh trong những năm đổi mới vừa qua, thiếu kinh nghiệm trong thương trường quốc tế và chưa được đào tạo cơ bản về quản lý sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, một bộ phận doanh nhân còn hạn chế về kiến thức, sự am hiểu pháp luật và năng lực kinh doanh, kinh nghiệm quản lý, khả năng cạnh tranh và hội nhập. Một số doanh nhân còn thiếu văn hóa kinh doanh và trách nhiệm với xã hội, vì lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm tăng thêm các tiêu cực xã hội.

3. Giải pháp nhằm xóa bỏ rào cản và thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân

Thứ nhất, nhóm giải pháp thiết lập nền tảng cơ bản cho khu vực kinh tế tư nhân

⁷ Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam (SEV) có vốn đầu tư khoảng 670 triệu USD, sản xuất điện thoại di động tại tỉnh Bắc Ninh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Tỉnh Bắc Ninh tiếp tục giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm sau đó (ưu đãi vượt khung), giải phóng mặt bằng và đảm bảo điện nước. Ưu đãi trên tiếp tục được áp dụng cho dự án của Samsung tại Thái Nguyên. Trong khi đó, Tập đoàn Viettel của Việt Nam cũng đề xuất được hưởng ưu đãi thuế 10% cho thu nhập từ sản xuất điện thoại nhưng lại bị các cơ quan chức năng từ chối.

- Cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực để các nguồn lực được huy động và sử dụng có hiệu quả cao, nhất là các nguồn lực của nhà nước.

- Tạo lập môi trường thực sự bình đẳng, dỡ bỏ các rào cản cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

- Nâng cao chất lượng thể chế và quản trị của khu vực kinh tế tư nhân.

- Xây dựng và thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích áp dụng công nghệ và nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo.

- Phát triển kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực để nâng cao tính sẵn sàng về công nghệ cho khu vực tư nhân, thúc đẩy khởi nghiệp.

- Thiết lập nền quản trị quốc gia tốt, thực hiện chính phủ liêm chính, kiến tạo và phục vụ phát triển.

Thứ hai, nhóm giải pháp đối với từng nhóm đối tượng của khu vực kinh tế tư nhân

Đối với doanh nghiệp lớn: Cần có một chính sách công nghiệp phù hợp với vai trò kiến tạo, định hướng của nhà nước để tạo môi trường cho việc hình thành các doanh nghiệp tư nhân lớn hoạt động trong những ngành nghề mới, công nghệ cao.

Đối với DNNVV: Cần thiết lập các cụm liên kết ngành sản xuất linh kiện đòi hỏi quy mô đầu tư vốn vừa phải và sử dụng công nghệ ở mức độ trung bình. Chính phủ và chính quyền địa phương cần định hướng, tập trung nguồn lực hỗ trợ xây dựng cụm liên kết ngành... Phát huy vai trò tích cực của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc hỗ trợ DNNVV phát triển.

Đối với nhóm doanh nghiệp trong nông nghiệp và nông thôn: phải chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp quy mô lớn, dựa vào doanh nghiệp và trang trại.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2014). Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Hà Nội, NXB Thống kê.

CIEM. (2010). Phát triển kinh tế tư nhân. Hà Nội, Việt Nam: Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương.

Đậu, Tuấn Anh. (2016). Doanh nghiệp nhỏ và vừa tư nhân Việt Nam kinh doanh trong chặt vật. Paper presented at the Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2016, Hà Nội, Việt Nam.

GSO. (2016). Results of a survey on non-farm individual business establishments 2015. Hanoi, Vietnam, Statistical Publishing House.

Nguyễn, Sơn Hồng, & Trần, Tuyến Quang. (2014a). Báo cáo tổng kết 30 năm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội.